

*Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2009, Tạp chí Khoa học Giáo dục xin gửi tới toàn thể cán bộ viên chức Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, các cộng tác viên và bạn đọc của Tạp chí lời chúc sức khỏe và thành công*

## **TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG THỜI KÌ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

• **PGS.TS. ĐẶNG THÀNH HƯNG**  
*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*

### **1. Cơ hội và thách thức mới, triết lý phải đổi mới phù hợp**

Thách thức và cơ hội luôn ở trong nhau. Trong mỗi thách thức đều có cơ hội mới và trong mỗi cơ hội mới đều có thách thức nhất định. Bối cảnh chung của sự phát triển giáo dục nước ta đến 2020 được đặc trưng bởi bốn nhân tố chủ yếu: 1/ Truyền thống dân tộc giữ gìn và kiến thiết đất nước; 2/ Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; 3/ Quá trình hội nhập quốc tế, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, vươn lên tầm quốc tế; 4/ Các quá trình toàn cầu hóa, đặc biệt là toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ. Việc xử lý bốn nhân tố này bao hàm nhiều thách thức và cơ hội khách quan và chủ quan.

Truyền thống dân tộc là nhân tố bên trong thuần khiết, là động lực nội sinh của phát triển. Cũng mang tính thuần khiết như vậy nhưng theo chiều ngược lại chính là nhân tố thứ 4: quá trình toàn cầu hóa kinh tế, điều kiện bên ngoài dội vào, tác động vào tiến trình phát triển. Còn hai nhân tố trung gian - công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế - là những lĩnh vực năng động nhất, động lực trực tiếp của phát triển giáo dục và phát triển kinh tế-xã hội nói chung. Thành công đến đâu là ở hiệu quả đạt được của những quá trình này như thế nào. Cả 4 nhân tố trên đều chứa đựng đồng thời nhiều cơ hội và thách thức kèm theo.

Cơ hội và thách thức cơ bản, chủ yếu và chung nhất của giáo dục và của đất nước là sức cạnh tranh tổng thể của giáo dục và của nền kinh tế quốc gia. Nó đang và sẽ được nâng cao dần, nhưng hiện nay vẫn còn thấp và chưa đủ đáp ứng nhu cầu phát triển. Cạnh tranh là thách

thức cơ bản, bao trùm và lớn lao, song chính đó là cơ hội vượt qua chính mình cả về nhận thức lẫn hành động, rút ngắn khoảng cách và đuổi kịp trình độ tiến tiến của thế giới.

Cơ hội và thách thức cơ bản thứ hai đối với đất nước và giáo dục là chủ quyền và an ninh quốc gia, phần nào phụ thuộc vào cách thức và hiệu quả giải quyết vấn đề cạnh tranh và hợp tác kinh tế của chúng ta. Không ít giá trị truyền thống dân tộc bị thách thức nghiêm trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cũng như vậy, chủ quyền và an ninh quốc gia thường xuyên chịu sức ép của toàn cầu hóa kinh tế. Nhưng trong tất cả những thách thức này giáo dục lại có nhiều cơ hội rõ ràng hơn và rộng lớn hơn để nhận thức lại chính mình, đánh giá điểm mạnh điểm yếu, xem xét bối cảnh trong ngoài chính xác hơn, và tìm ra hướng đi phù hợp hơn.

Cơ hội và thách thức cơ bản thứ ba, thể hiện tập trung ở giáo dục và ảnh hưởng to lớn đến phát triển đất nước chính là cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục tổng thể. Hiện nay, xét về hiệu quả đầu tư phát triển giáo dục thì nước ta xếp hạng khá, nhưng chất lượng giáo dục còn hạn chế, thua xa trình độ quốc tế, nhất là giáo dục sau phổ thông. Nhìn chung, mọi thành tố chất lượng giáo dục đều thấp: giáo viên, sách và học liệu, trường sở, nguồn tài chính, môi trường học tập, phương tiện kĩ thuật, hạ tầng thông tin và bộ máy quản lí, nghiên cứu khoa học-công nghệ..., và đặc biệt là kết quả và hiệu quả giáo dục học sinh-sinh viên. Việc khơi dậy và phát huy sức mạnh của các giá trị dân tộc (như: tinh thần hiếu học, tôn sư trọng đạo, tự lực tự



cường...), tiến hành tốt công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong giáo dục là thách thức rất lớn. Song đó cũng là những quá trình đầy năng động, chứa đựng rất nhiều cơ hội để khai thác các nguồn lực vật chất và tinh thần, tăng cường động lực phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục.

Cơ hội và thách thức cơ bản thứ tư của giáo dục là việc giải quyết quan hệ giữa chất lượng, hiệu quả giáo dục, đầu tư phát triển và công bằng xã hội trong giáo dục. Cần phải xem công bằng xã hội là một tiêu chí quan trọng của hiệu quả đầu tư, một nguyên tắc của hiệu quả giáo dục (hiệu quả kinh tế-xã hội) và một tiêu chí chất lượng của hệ thống giáo dục. Rất nhiều thách thức lớn khi những quan hệ này còn chuech choạc, chưa được nhận thức rõ ràng. Một nền giáo dục còn nhiều người ít học hoặc chưa có giáo dục cơ bản thì không thể được xem là nền giáo dục tốt cho dù có những nhóm học cao, học giỏi, đoạt giải thưởng quốc tế. Tăng đầu tư nhưng chất lượng giáo viên, nhà trường và học tập không tăng nghĩa là hiệu quả giáo dục thấp. Đây cũng là quá trình mang lại nhiều cơ hội để giải đáp những bài toán tích hợp kinh tế-xã hội-giáo dục, nền tảng thực tiễn của cải cách giáo dục. Nó cũng mang lại cơ hội lớn để xây dựng môi trường giáo dục cởi mở, thân thiện, năng động, gắn với kinh tế và nhu cầu xã hội rộng lớn.

Trước những thách thức và cơ hội mới xuất hiện lần đầu trong lịch sử giáo dục Việt Nam như vậy tất nhiên chúng ta không thể nhận thức và xử lý chúng chỉ dựa vào triết lý và lý luận đã có và đã vận dụng trước đây. Cần có tư duy mới, đổi mới triết lý và lý luận khoa học về giáo dục để giải quyết các vấn đề giáo dục, trước mắt là phát triển chương trình giáo dục và phát triển giáo viên cho giai đoạn sau 2015, thì mới có giải pháp phù hợp với bối cảnh mới.

## 2. Quan điểm chung về triết học và triết lý giáo dục ngày nay

Triết học giáo dục là ngành khoa học lý thuyết nghiên cứu cách áp dụng các phương pháp của triết học và phương pháp luận của các khoa học cơ bản khác vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn chung nhất của giáo

dục. Những vấn đề chung nhất đó phản ánh các quan hệ bản chất phổ biến nhất trong sự vận động và phát triển của giáo dục.

Triết lý giáo dục là khái niệm chỉ những kết quả nghiên cứu của triết học giáo dục, những kết luận khoa học chung nhất về giáo dục từ các khoa học hoặc từ tư duy kinh nghiệm của xã hội, được thể hiện dưới hình thức những tư tưởng, quan điểm, nguyên tắc, lý thuyết, kết luận, phương châm định hướng có tính chất khái quát nhất về giáo dục và phát triển giáo dục.

Triết học giáo dục là lĩnh vực khoa học mà thành tựu cơ bản cũng như kết quả nghiên cứu của nó chính là các triết lý giáo dục. Nội dung nghiên cứu của triết học giáo dục là những quan hệ phổ biến chung nhất giữa các thành tố của nền giáo dục quốc gia, các quan hệ của giáo dục với các mảng hiện thực khác của xã hội như con người, văn hóa, kinh tế, chính trị, sinh hoạt, v.v... Nhờ giải thích được và xử lý được những quan hệ này mà triết học giáo dục đưa ra những triết lý giáo dục tương ứng. Đương nhiên, triết học giáo dục trước hết phải dựa vào triết học, và sau đó dựa vào triết học và phương pháp luận của các khoa học khác.

Ngoài các triết lý giáo dục bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học thì trong xã hội vẫn tồn tại những triết lý giáo dục kinh nghiệm, sản phẩm của tư duy kinh nghiệm và kinh nghiệm giáo dục thực tiễn của con người trải qua nhiều thế hệ lịch sử. Chẳng hạn những triết lý giáo dục dân gian quen thuộc như: *Gần mực thì đen gần đèn thì rạng, Già đôn non nhẽ, Dạy con từ thuở còn thơ, Có công mài sắt có ngày nên kim, Thất bại là mẹ thành công, Cha mẹ sinh con Trời sinh tính, Không thầy đố mày làm nên, Một chữ là thầy nửa chữ cũng là thầy, Học thầy không tày học bạn, Đi một ngày đàng học một sàng khôn, ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung v.v...* là những hình thức biểu hiện của triết lý kinh nghiệm.

Có ít nhất hai loại (hai cấp) triết lý giáo dục, chi phối lẫn nhau. Loại đầu là triết lý giáo dục nói về hoạt động và quá trình giáo dục, tức là triết lý của chương trình giáo dục (Philosophies of Curriculum). Loại triết lý giáo dục này là triết lý tác nghiệp, triết lý nghề nghiệp của nhà giáo, triết lý có tính chuyên môn. Chúng thường có vai trò cốt

lỗi trong triết lý giáo dục tổng quát, phản ánh bản chất tự nhiên khách quan của hiện tượng giáo dục, quy luật bên trong của giáo dục.

Loại thứ hai là triết lý giáo dục nói về sự phát triển giáo dục như là bộ phận của phát triển kinh tế-xã hội và các quan hệ vĩ mô của giáo dục với các định chế hệ tư tưởng chính trị-xã hội, kinh tế, văn hóa, đời sống, tâm lý xã hội, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học v.v... (Philosophy of Education). Loại triết lý giáo dục này là triết lý chính trị-xã hội của giáo dục, triết lý của lực lượng lãnh đạo, của Nhà nước trong quản lý xã hội và quản lý giáo dục.

Về mặt lịch sử, loại triết lý thứ nhất xuất hiện trước. Và chúng đương nhiên chi phối tư duy giáo dục của Nhà nước và xã hội. Chi phối cụ thể thế nào còn do nhận thức và hành động của Nhà nước. Nhưng tại thời điểm nhất định của thời đại hay bối cảnh cụ thể của quốc gia thì loại triết lý thứ hai lại cần được xác định trước vì chúng chỉ đạo và chi phối việc lựa chọn các triết lý tác nghiệp sao cho phù hợp với lợi ích và mục tiêu quốc gia cũng như tuân thủ bản chất khách quan của giáo dục.

Ngay từ thời điểm này, các triết lý giáo dục của chúng ta nên được chọn lọc từ ít nhất 3 nguồn: 1/ Triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (đây là nguồn gốc chủ đạo và chỉ đạo việc lựa chọn những nguồn sau); 2/ Các triết học khác và phương pháp luận hiện đại của các khoa học khác (không có lí gì lại chê những triết lý giáo dục của UNESCO, triết lý phát triển bền vững của Khoa học môi trường, triết lý hợp tác và cạnh tranh của Kinh tế học, triết lý phát triển người của các khoa học nhân văn...); 3/ Tư duy và triết lý kinh nghiệm của dân tộc trong truyền thống và lịch sử phát triển của Việt Nam (nhiều triết lý truyền thống rất phù hợp với bản chất người học Việt Nam).

**3. Triết lý giáo dục chung với tầm nhìn 2020 ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững**

**3.1. Giáo dục bắt nguồn từ đâu xét từ bản chất của nó?**

+ Xét về mục tiêu và kết quả giáo dục thì giáo dục bắt nguồn từ nhu cầu phát triển cá

nhân con người, bởi lẽ lợi ích và sự phát triển con người phải khách quan khởi đầu từ sự phát triển từng cá nhân, và đó là lẽ sống còn và tồn tại của giáo dục.

+ Xét về chức năng và sứ mạng thì giáo dục bắt nguồn từ nhu cầu xã hội, yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, bởi nếu không như vậy, giáo dục sẽ không phát triển được, không mấy ý nghĩa, và không còn là nhân tố tạo nên tính đồng nhất quốc gia về văn hóa, chính trị và kinh tế.

+ Xét về nguyên lý vận động thì giáo dục kết hợp cả hai nhân tố trên theo quy luật hệ thống. Giáo dục phải đáp ứng cũng như điều chỉnh, định hướng cả nhu cầu cá nhân lẫn nhu cầu xã hội, và thực hiện nhiệm vụ đó một cách có ưu tiên, cân đối, linh hoạt, hài hòa trong bối cảnh cụ thể.

+ Xét về thực thể, giáo dục là hiện thực xã hội đa thành tố, đa chất lượng, vừa là hạ tầng cơ sở xã hội nói trên phương diện hoạt động, vừa là thượng tầng kiến trúc xã hội nói trên phương diện hiệu quả và giá trị mà nó mang lại. Nền tảng của giáo dục là kinh tế.

**3.2. Bản chất chung của giáo dục là gì?**

+ Giáo dục ở Việt Nam là môi trường nhân văn trong đó diễn ra quá trình xã hội hóa cá nhân phù hợp với những định chế tư tưởng, chính trị, kinh tế, đạo đức và văn hóa của xã hội, dẫn đến kết quả là sự phát triển cá nhân của người học, của các thế hệ con người, và tiến bộ kinh tế-xã hội bền vững của quốc gia và của thời đại.

Tác động khách quan trong sự phát triển giáo dục là những quy luật kinh tế-xã hội và tác động chủ quan là sự điều chỉnh bằng thể chế chính trị-xã hội, hệ giá trị và văn hóa quốc gia, tất cả thể hiện ở nhu cầu xã hội mà giáo dục phải đáp ứng và điều chỉnh. Bản chất của giáo dục đang ở trạng thái nào, ở mức nào thì chất lượng giáo dục cũng ở mức ấy xét trong bối cảnh lịch sử cụ thể, và ngược lại chất lượng giáo dục cũng quy định bản chất của giáo dục như thế.

+ Giáo dục Việt Nam có sứ mạng là phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực quốc gia, bồi dưỡng nhân tài của xã hội và không ngừng nâng cao tiềm năng trí tuệ của cộng đồng dân tộc để phát triển đất nước với tầm nhìn chung là độc lập, tự do, văn minh và hiện



đại với các công dân có khả năng học tập thường xuyên, chủ động, tích cực và sáng tạo trong môi trường sống và trong cuộc sống.

+ Mục tiêu giáo dục quốc gia ở Việt Nam là con người cá nhân phát triển hài hòa, khỏe mạnh về thể chất, tâm lý và xã hội, có đức tin vào cái Thiện và Chân lý, vào con người và tương lai tốt đẹp của loài người, có trách nhiệm và tình cảm công dân đúng đắn, có tính kiên định và khả năng thích ứng với hoàn cảnh, có kỉ luật và kĩ năng lao động để không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, cùng những thế hệ người phát triển bền vững trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng nhau, biết hợp tác, chung sống và làm việc hiệu quả vì lợi ích của mình và của Tổ quốc, của nhân loại, công bằng về cơ hội và khác biệt cá nhân về thành tựu phát triển.

+ Giáo dục ở Việt Nam có các chức năng phát triển con người và phát triển kinh tế-xã hội, chức năng phục vụ và dịch vụ xã hội thông qua các hoạt động huấn luyện, đào tạo, chuyển giao và phát triển tri thức, chức năng tái sản xuất và phát triển giá trị xã hội thông qua các quá trình cá nhân hóa những giá trị đó (di truyền văn hóa), chức năng phúc lợi xã hội, bảo đảm giá trị học vấn mà con người thụ hưởng thực sự là một phần quan trọng của hạnh phúc, của thành công và của quyền công dân bình đẳng.

### **3.3. Giáo dục được tổ chức và phát triển theo những nguyên tắc nào?**

+ Giáo dục hướng vào con người, vì lợi ích con người, dựa vào người học, vì sự phát triển tự do của người học.

+ Giáo dục cho mọi người và của mỗi người trên cơ sở nỗ lực chung của Nhà nước, cộng đồng xã hội và cá nhân người học. Giáo dục cho mọi người nhằm tạo các cơ hội bình đẳng và công bằng xã hội. Giáo dục của mỗi người là điều hiển nhiên vì cách học tập và kết quả giáo dục luôn khác biệt và là của cá nhân. Khi giáo dục chưa phải là của mỗi người thì trên thực tế giáo dục là không có kết quả và thiếu hiệu quả xã hội.

+ Giáo dục có tính mở được điều tiết bằng các quy luật của kinh tế thị trường cũng như bằng những can thiệp của Nhà nước dựa vào thể chế, chính sách và chuẩn. Thể chế, chính sách và chuẩn giáo dục là những công cụ quản lí giáo

dục dựa vào nghiên cứu khoa học-công nghệ và đường lối chính trị-xã hội của Nhà nước.

+ Giáo dục được thực hiện vì chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững của xã hội và quốc gia với định hướng XHCN, bản sắc Việt Nam, chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc, cũng như vì hòa bình, tiến bộ và hạnh phúc của toàn nhân loại.

+ Giáo dục trên phương diện lí thuyết và hành động thực tiễn ở Việt Nam tuân theo những nguyên lí nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như những giá trị truyền thống đúng đắn trong kinh nghiệm giáo dục của dân tộc Việt Nam.

+ Giáo dục phát triển bằng tiềm năng vật chất, trí tuệ và đạo đức của dân tộc cũng như bằng cả quá trình tiếp nhận có chọn lọc những yếu tố tiến bộ và hiện đại của loài người.

+ Giáo dục được tổ chức và thực hiện trên cơ sở khoa học, gắn bó với đời sống xã hội, với sản xuất, với những thay đổi kinh tế, văn hóa, khoa học-công nghệ trong nước và những xu thế tiến bộ của đời sống quốc tế.

### **3.4. Hệ thống giáo dục quốc gia là gì và giữ vai trò gì?**

+ Hệ thống giáo dục quốc gia là sự thể hiện thực tiễn cách tổ chức và cấu trúc của giáo dục ở quy mô cả nước.

+ Tính hợp lí của cấu trúc và tính hiệu quả của tổ chức giáo dục cũng là một trong những tiêu chí chất lượng của hệ thống giáo dục.

+ Với mỗi hệ điều kiện và bối cảnh nhất định, mỗi hệ thống giáo dục có khả năng giới hạn của nó mà không thể tùy tiện vượt quá giới hạn ấy. Sự vận hành quá công suất và quá giới hạn này tuy có thể cũng là một phương thức phát triển nhưng đó là phát triển khủng hoảng, thiếu bền vững.

+ Chất lượng của hệ thống giáo dục được tạo ra từ chất lượng của tất cả những yếu tố cấu thành nó và phụ thuộc vào bối cảnh bên ngoài, hiệu lực, hiệu quả quản lí từ phía Nhà nước và xã hội.

+ Hệ thống giáo dục là bộ phận chủ đạo trong toàn bộ nền giáo dục quốc gia. Những thay đổi của hệ thống giáo dục có vai trò dẫn động và định hướng cho toàn bộ những đổi mới trong giáo dục.

+ Hệ thống giáo dục cùng với những thiết chế xã hội khác có chức năng giáo dục như gia đình, các tổ chức xã hội, các đoàn thể, cộng đồng dân cư, các cơ quan và các hội nghề nghiệp v.v... hợp thành nền giáo dục quốc gia thống nhất, trong đó người học, giáo viên và nhà trường là những nhân tố trực tiếp quyết định.

### **3.5. Nhà trường hiện đại có những tính chất và đặc điểm nào?**

+ Nhà trường là đơn vị tổ chức và tác nghiệp cơ bản của hệ thống giáo dục, giữ vai trò chính thức và chủ đạo trong nền giáo dục quốc gia.

+ Quan hệ thầy - trò trong nhà trường là quan hệ hợp tác, môi trường học tập nhân văn, các điều kiện và phương tiện sư phạm thân thiện, các hoạt động giáo dục và quản lý được xã hội hóa cao.

+ Nhà trường đồng thời là tổ chức xã hội có văn hóa đặc trưng và khác biệt với các tổ chức khác, trong đó văn hóa học tập và văn hóa giảng dạy giữ vai trò trung tâm.

+ Nhà trường với tư cách tổ chức được quản lý và tự quản lý bằng các quy định pháp luật, chuẩn cũng như những công cụ hành chính chuẩn hóa mà Nhà nước quy định, ngày càng có vai trò tự chủ và chịu trách nhiệm cao hơn.

+ Chất lượng nhà trường là đơn vị cơ bản của chất lượng giáo dục quốc gia, là cơ sở trong quản lý chất lượng giáo dục.

+ Nhà trường có nhiều loại hình, đa dạng về nguồn đầu tư, về giá trị, về phong cách chuyên môn và quản lý, và về thành tựu phát triển.

+ Về mặt sư phạm, nhà trường hiện đại có môi trường phát triển nghề nghiệp giáo viên thuận lợi, môi trường học tập đa phương tiện, giàu thông tin và cơ hội hoạt động cho người học, nhiều tương tác giữa các chủ thể dạy và học, giữa dạy học và quản lý.

+ Hiệu quả kinh tế-xã hội của nhà trường chủ yếu thể hiện ở các quan hệ tích cực và gắn bó thành công với sản xuất, thị trường lao động, các quá trình xã hội, đời sống chính trị và dân sự của đất nước.

## **4. Kết luận**

- Cốt lõi của triết lý giáo dục trong thời kì phát triển giáo dục sau 2010 là người học, lợi ích và

nhu cầu của người học. Mặt khác chính sự thành công của họ đem lại lợi ích cho xã hội. Vì vậy giáo dục phải dựa vào người học và hoạt động của họ.

- Triết lý chính trị-xã hội của phát triển giáo dục cần chỉ đạo sâu sắc sự lựa chọn các triết lý chuyên môn trong giáo dục, song đồng thời nên tôn trọng tính khách quan tương đối độc lập của các kết luận khoa học.

- Tính triệt để khoa học của triết lý giáo dục ngày nay thể hiện ở chính sự thống nhất, nhất quán của các triết lý cụ thể (ví dụ: nguồn gốc dẫn đến bản chất giáo dục, khái niệm giáo dục, sứ mạng, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc giáo dục v.v...) cho dù chúng được khai thác từ nguồn nào, và của hai loại triết lý hay hai cấp triết lý giáo dục: triết lý chuyên môn nghề nghiệp và triết lý chính trị-xã hội.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Frieda Heyting, Dieter Lenzen and John White (2001). *Methods in Philosophy of Education*. Publisher: Routledge Falmer, London and New York.
2. Michael L. Peterson (2003). *Philosophy of Education-Issues and Options*. InterVarsity Press, Downers Grove, Illinois, U.S.A., Leicester, England.
3. David Carr (2002). *Making Sense of Education*. Publisher: Routledge Falmer, London and New York.
4. Sidney Hook, Paul Kurtz, Miro Todorovich (1975). *The Philosophy of the Curriculum: The Need for General Education* Publication: Buffalo, New York
5. Encyclopedia Britannica (2002). *Philosophy of Education*.
6. Kí yếu đề tài khoa học-công nghệ cấp Bộ: *Phát triển giáo dục Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*. Mã số: B2005-80-14. Viện khoa học giáo dục Việt Nam. Chủ nhiệm: PGS.TS. Đặng Thành Hưng.
7. Đặng Thành Hưng (2007). *Triết lý về bản chất của giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, số 155, tháng 12/2007.
8. Đặng Thành Hưng (2007). *Một số vấn đề kinh tế giáo dục trong hội nhập quốc tế*. Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 578/7/2007.

## **SUMMARY**

*This article addresses the philosophy of education in the new time. The author analyzes the challenges and opportunities along 4 major factors, from which pointing to the common views in philosophy and philosophy of education nowadays. Finally the author gets into analysis of education philosophy with 2020 vision in Vietnam in the context of industrialization, modernization, internationalization and sustainable development.*